TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2025/QĐST – HNGĐ	*Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 45/2025/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985; số căn cước công dân: 051185008164, cấp ngày 20/8/2021; nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Nguyễn Tài B, sinh năm 1982; số căn cước công dân: 051082011846, cấp ngày 12/8/2021; nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tài B, chị Nguyễn Thị Thanh T qua quá trình tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B cũ (nay thuộc xã B, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 16/7/2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên nhiều năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên anh, chị đã không sống chung với nhau được. Mặc dù anh, chị cũng đã cố gắng suy nghĩ hàn gắn lại vì con nhưng không thể vì không còn tình cảm, chia sẽ nhau trong cuộc sống nữa. Nay anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh B mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh, chị xác định có 02 con chung là Nguyễn Nữ Kỳ D, sinh ngày 06/8/2006 và Nguyễn Nữ Kỳ U, sinh ngày 06/10/2014. Nguyễn Nữ Kỳ D hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu U anh, chị thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp nuôi và cháu U có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con của anh, chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận về nuôi con của anh, chị; anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8/2025 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị T xác định không có.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Tài B thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Tài B xác định có hai con chung là Nguyễn Nữ Kỳ D, sinh ngày 06/8/2006 và Nguyễn Nữ Kỳ U, sinh ngày 06/10/2014. Khi ly hôn, anh B chị Truyền thống N giao cháu Nguyễn Nữ Kỳ U cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi, anh Nguyễn Tài B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Nguyễn Nữ Kỳ U định kỳ hàng tháng 2.000.000 đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Riêng Nguyễn Nữ Kỳ D hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, một trong các bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Tài B xác định không có.

1.4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh B và chị T có nghĩa vụ chịu nên được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí anh B, chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000645, ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 2;
- UBND xã Bình Sơn (ĐKKH ngày 16/7/2007);
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh